

Số: 03/2024/QĐST-KDTM

Duy Tiên, ngày 02 tháng 8 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 25 tháng 7 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 11/2024/TLST - KDTM ngày 22 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Công ty cổ phần M2 (tên viết tắt: Mars; JSC); địa chỉ: Tầng A, tòa nhà V, số I D, phường D, quận C, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công T – Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Duy T1 - Trưởng phòng XLN MB. Ủy quyền lại cho ông Bùi Tiến D - Trưởng bộ phận xử lý nợ, ông Trần Huy H và ông Trần Quang T2 - Chuyên viên xử lý nợ.

* **Bị đơn:** Ông Vũ Văn C, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1984; cùng địa chỉ: Tổ dân phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Hà Nam;

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Trần Thu T3, sinh năm 2004; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Hà Nam;

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Tổng số tiền ông Vũ Văn C và bà Nguyễn Thị B còn nợ Công ty cổ phần M2 tính đến ngày 25/7/2024 theo 03 hợp đồng tín dụng là 1.819.099.548 đồng (Trong đó nợ gốc: 1.417.63.393 đồng; nợ lãi: 373.233.943 đồng; phạt chậm trả lãi: 28.002.213 đồng). Cụ thể:

+ Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2212207866778 ngày 23/12/2022 và khế ước nhận nợ kèm theo ngày 31/12/2022 (Tương đương với Hợp đồng LD2236500991 ngày 31/12/2022 trên bảng kê), tính đến ngày 25/7/2024 số nợ là 1.586.034.776 đồng (Nợ gốc: 1.269.000.000 đồng; nợ lãi: 296.449.731 đồng; phạt chậm trả: 20.585.045 đồng).

+ Theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng

vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ thẻ ngân hàng điện tử” ngày 22/11/2021 (*Tương đương với Hợp đồng 233-P-3365440 ngày 19/02/2022 ghi trên trên bảng kê*), tính đến ngày 25/7/2024 số nợ là 85.604.691 đồng (Nợ gốc: 49.901.829 đồng; nợ lãi: 33.534.862 đồng; phạt chậm trả: 2.168.000 đồng).

+ Theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, Mở & Sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ **ngân hàng Đ2**” ngày 10/12/2021 (*Tương đương với Hợp đồng LD2135000582 ngày 16/12/2021 ghi trên trên bảng kê*): Tính đến ngày 25/7/2024, số nợ là 147.460.081 đồng (Nợ gốc: 98.961.564 đồng; nợ lãi: 43.249.350 đồng; phạt chậm trả: 5.249.168 đồng).

2.2. Phương thức thanh toán: Bằng tiền mặt.

2.3. Lộ trình thanh toán: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật thì ông **Vũ Văn C** và bà **Nguyễn Thị B** phải tất toán toàn bộ số tiền nêu trên và tiếp tục thanh toán lãi phát sinh cho đến thời điểm tất toán khoản vay cho **Công ty cổ phần M2**.

2.4. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc thi hành án cụ thể như sau: Trong trường hợp ông **Vũ Văn C** và bà **Nguyễn Thị B** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ trên thì **Công ty cổ phần M2** được quyền đề nghị Cơ quan Thi hành dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 304; tờ bản đồ số PL06; diện tích 108 m² tại **Thôn T, xã D, huyện D (nay là tổ dân phố T, phường D, thị xã D) tỉnh Hà Nam**; đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 224189, số vào sổ cấp GCN: CS02682 do **Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh H** cấp ngày 15/07/2019 cho ông **Vũ Văn C** và bà **Nguyễn Thị B**. Chi tiết Hợp đồng thế chấp số 3640 ngày 01/12/2021 số công chứng 3640 Quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD tại **Văn phòng C3**, địa chỉ: **Số G, đường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam**.

Trường hợp tài sản đảm bảo không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng cho vay thì buộc ông **Vũ Văn C** và bà **Nguyễn Thị B** tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi tất toán xong khoản vay.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày hòa giải thành (ngày 25/7/2024) mà Bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì phải tiếp tục chịu lãi suất nợ quá hạn theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng của số nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán hết nợ gốc.

2.5. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Nguyên đơn **Công ty cổ phần M2** và bị đơn **Vũ Văn C** và bà **Nguyễn Thị B** mỗi bên phải chịu 16.643.246,61 đồng. Chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự để bị đơn **Vũ Văn C** và bà **Nguyễn Thị B** chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, tổng là 33.286.493,22 đồng (làm tròn số là 33.286.493 đồng).

2.6. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Các đương sự thỏa thuận để nguyên đơn chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thị xã Duy Tiên;
- Chi cục THADS thị xã Duy Tiên
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

NGUYỄN THỊ TƯƠI